

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/08/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 315/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Cẩm Nh, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 0646, ấp A, xã B, thị xã D, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 251, ấp E, xã F, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Nh vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; Anh Th vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm Nh trình bày: Chị Nh và anh Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận nên thống nhất tổ chức lễ cưới tại Tiền Giang vào ngày 02/12/2012. Chị Nh và anh Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã F, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/HT ngày 14/01/2012. Sau khi cưới, chị Nh và anh Th sống và làm việc tại tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh Th vô tâm, ngoại tình nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Nh và anh Th đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Chị Nh yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nh và anh Th có 02 (hai) con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 24/5/2014 và Trần Tấn P, sinh ngày 06/12/2018. Chị Nh yêu cầu nuôi dạy hai con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 114/TB-TLVA ngày 13/12/2021 cho anh Trần Văn Th nhưng đến nay anh Th không gửi văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị Nh và các tài liệu chứng cứ kèm theo.

Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Th, nhưng anh Th vắng mặt theo các lần triệu tập nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Th tại Công an xã F, thị xã T; Xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nh và anh Th tại Ban ấp nhân dân Tân Hòa C, xã F, thị xã T, cụ thể:

Biên bản xác minh ngày 18/5/2022, Công an xã F, thị xã T cung cấp: Anh Trần Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, thị xã T, tỉnh An Giang. Anh Th hiện tại không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì thì địa phương không rõ vì anh Th không trình báo.

Biên bản xác minh ngày 18/5/2022, Ban nhân dân ấp E, xã F, thị xã T cung cấp: Chị Phan Thị Cẩm Nh và anh Trần Văn Th có đăng ký kết hôn. Chị Nh và anh Th có hai người con chung tên: Trần Tấn P, sinh năm 2018 và Trần Gia Th, sinh năm 2014. Qua xác minh được biết hiện tại cháu Phát và cháu Thuận đang được chị Nh nuôi dạy.

Biên bản xác minh ngày 05/8/2022, Ban nhân dân ấp E, xã F, thị xã T cung cấp: Đương sự Trần Văn Th, sinh năm 1982 là con ông Trần Văn N, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961. Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 251, tổ 5, ấp E, xã F, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay, anh Th đi làm ăn xa nhưng khoảng vài tháng là có mặt tại địa phương và sinh sống cùng cha mẹ tại tổ 5, ấp E, xã F, thị xã T, tỉnh An Giang. Qua liên hệ với cha mẹ của anh Th là ông Nặng và bà Thu được biết anh Th biết việc chị Nh yêu cầu ly hôn với

anh tại Tòa án nhân dân thị xã T nhưng anh Th không về do bận làm ăn xa. Tại Văn phòng ban áp E, xã F ngày 05/8/2022, Tòa án có liên hệ với anh Th qua số điện thoại 0935.182.639. Anh Th có nghe điện thoại và cho biết rằng có biết việc chị Nh khởi kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã T. Tuy nhiên, anh Th không về được do bận đi làm. Theo đó, anh Th đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Phan Thị Cẩm Nh và anh Trần Văn Th do tự tìm hiểu yêu thương nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã F, thị xã T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm, vợ chồng đã sống xa nhau từ năm 2018 đến nay, hai bên gia đình đã hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Phan Thị Cẩm Nh và anh Trần Văn Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị Nh và anh Th đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Th là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Cẩm Nh và anh Trần Văn Th có 02 con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 24/5/2014 và Trần Tấn P, sinh ngày 06/12/2018. Hiện các cháu đang sống chung với chị Nh, khi ly hôn chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Thuận, Phát đang sinh sống ổn định cùng với chị Nh, ngoài ra cháu Thuận có nguyện vọng sống chung với mẹ nên yêu cầu của chị Nh có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Th của chị Phan Thị Cẩm Nh.

- *Về quan hệ con chung*: Giao Trần Gia Th, sinh ngày 24/5/2014 và Trần Tấn P, sinh ngày 06/12/2018 cho chị Phan Thị Cẩm Nh chăm sóc nuôi dưỡng, anh Trần Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị Cẩm Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Th. Anh Th có địa chỉ tại số 251, tổ 5, ấp E, xã F, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Văn Th được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nh và anh Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận nên thống nhất tổ chức lễ cưới tại Tiền Giang vào ngày 02/12/2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/HT ngày 14/01/2012. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nh và anh Th hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Nh khai, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do anh Th sống vô tâm, ngoại tình. Chị Nh và anh Th sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị Nh và anh Th phát sinh mâu thuẫn đã lâu và sống xa nhau từ

năm 2018 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị Nh và anh Th hàn gắn tình cảm, nhưng anh Th vắng mặt.

Tình trạng vợ chồng chị Nh và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Nh ly hôn với anh Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nh và anh Th có 02 (hai) con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 24/5/2014 và Trần Tấn P, sinh ngày 06/12/2018. Hiện cháu Thuận và cháu Phát đang được chị Nh nuôi dạy.

Khi ly hôn chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Thuận, Phát và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu Thuận có nguyện vọng sống với chị Nh và theo xác nhận của địa phương ngày 07/6/2022, chị Nh có việc làm ổn định, có kinh tế nuôi dạy các con chung đến lúc trưởng thành.

Xét, giao cháu Thuận và cháu Phát cho chị Nh nuôi dạy, anh Th không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Nh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh và anh Th không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Cẩm Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Trần Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm Nh.

Chị Phan Thị Cẩm Nh được ly hôn với anh Trần Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04/HT, quyền số I/2012, ngày 14/01/2012, do Ủy ban nhân dân xã F, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Phan Thị Cẩm Nh và anh Trần Văn Th không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nh và anh Th có 02 (hai) con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 24/5/2014 và Trần Tấn P, sinh ngày 06/12/2018.

Chị Phan Thị Cẩm Nh được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 24/5/2014 và Trần Tấn P, sinh ngày 06/12/2018 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động;

Anh Trần Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Cẩm Nh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phan Thị Cẩm Nh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006052 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Chị Nh đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Nh và anh Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. T (02);
- Chi cục THADS TX. T (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

